

Bản án số: 28/2019/HSST

Ngày: 16/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Sự**

Bà **Đoàn Phương Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Anh**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Vy Đức Hạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/HSST ngày 01/4/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/HSST-QĐ ngày 02/5/2019 đối với các bị cáo:

1. **Họ và tên:** TRẦN QUANG L; **tên gọi khác:** không; **sinh ngày:** 22/8/1991, **tại:** Kiến Xương, Thái Bình; **nơi ĐKKHKT:** Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Th; **chỗ ở:** Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; **trình độ văn hoá:** 05/12; **ngành nghiệp:** Không. **quốc tịch:** Việt Nam; **dân tộc:** Kinh; **tôn giáo:** Không; **con ông:** Trần Văn T, **sinh năm:** 1970; **con bà:** Lai Thị Q, **sinh năm:** 1971; **có vợ:** Đoàn Ngọc D, **sinh năm:** 1986; **con:** có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; **tiền án, tiền sự:** Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2019 đến ngày 18/01/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. **Họ và tên:** HOÀNG VĂN PH; **tên gọi khác:** không; **sinh ngày:** 23/8/1989, **tại:** Kiến Xương, Thái Bình; **nơi ĐKKHKT và chỗ ở:** Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; **trình độ văn hoá:** 09/12; **ngành nghiệp:** Không; **quốc tịch:** Việt Nam; **dân tộc:** Kinh; **tôn giáo:** Không; **con ông:** Hoàng Văn L (đã chết); **con bà:** Nguyễn Thị M, **sinh năm:** 1964; **có vợ:** Bùi Thị Th, **sinh năm:** 1991; **con:** có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017; **tiền án, tiền sự:** Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2019 đến ngày 18/01/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. *Họ và tên*: **HOÀNG VĂN H**; *tên gọi khác*: không; *sinh ngày*: 06/6/1993, *tại*: Kiến Xương, Thái Bình; *nơi ĐKKHKT và chỗ ở*: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; *trình độ văn hoá*: 09/12; *nghe nghiệp*: Không; *quốc tịch*: Việt Nam; *dân tộc*: Kinh; *tôn giáo*: Không; *con ông*: Hoàng Văn L (đã chết); *con bà*: Nguyễn Thị My, *sinh năm*: 1964. *Có vợ*: Nguyễn Thị Quỳnh Tr, *sinh năm*: 1998; *con*: có 01 con, *sinh năm* 2016; *tiền án, tiền sự*: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2019 đến ngày 18/01/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, *sinh năm*: 1964; *địa chỉ*: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

*Người chứng kiến: Anh Vũ Văn T, *sinh năm*: 1972; *địa chỉ*: khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 11/01/2019 tại cảng Tr, Trung Quốc, Trần Quang L được một người đàn ông Trung Quốc tên A. C đặt vấn đề thuê L vận chuyển hàng thuốc lá điếu từ cảng Tr, Trung Quốc về khu vực sông L của Việt Nam với giá 150NDT/thùng (một trăm năm mươi nhân dân tệ một thùng) để giao cho người đàn ông tên T thì L đồng ý.

Khoảng 17h30 phút cùng ngày L gọi điện cho Hoàng Văn H và Hoàng Văn Ph để thuê H, Ph cùng vận chuyển số thuốc lá trên cho A C với tiền công mỗi người 500.000đ thì H và Ph đều đồng ý.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút, Ph điều khiển một chiếc đò mang số 181 đến đón L và H tại khu vực đài quan sát tục lăm thuộc khu x, phường H rồi cả 3 đến cảng Tr, Trung Quốc. Tại đây L chỉ đạo bảo Ph áp sát vào bè của A C đang đợi sẵn và bốc 05 thùng thuốc lá điếu từ bè của A C sang đò của L. A C chỉ cho các bị cáo phương thức xé lẻ các thùng thuốc rồi giấu dưới sạp đò để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Sau khi giấu xong 5 thùng thuốc lá các bị cáo điều khiển đò về hướng L, thành phố M. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày khi đến mốc biên giới số 1373 (2) thuộc khu x, phường H, thành phố M thì bị đội tuần tra của Đoàn biên phòng H, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh phát hiện, bắt quả tang thu cùng vật chứng thu giữ là 250 cây thuốc lá = 2.500 bao.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều có lời khai nhận: Vào hồi 19 giờ ngày 11/01/2019 tại khu vực sông biên giới mốc xxxx (x) thuộc khu x, phường H, thành phố M các bị cáo đã vận chuyển 2.500 bao thuốc lá điếu do nước ngoài sản xuất từ Trung Quốc về Việt Nam để lấy tiền công thì bị bắt quả tang.

Người chứng kiến anh Vũ Văn T có lời khai chứng kiến về thời gian, địa điểm kiểm tra và lập biên bản phạm tội quả tang đối với các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo và vật chứng thu giữ.

Tại chứng thư giám định về nguồn gốc và tình trạng số 19D06CV0324-01 ngày 15/01/2019 của Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh kết luận 250 (hai trăm năm mươi) cây = 2.500 (hai nghìn năm trăm) bao thuốc lá điều nhãn hiệu HUANGJINYE-XIANGYAN thu giữ của các bị cáo Linh, Hùng, Phúc không sản xuất tại Việt Nam. Tại chứng thư giám định (giám định bổ sung) về tình trạng số 19D09CV0485-01 ngày 25/01/2019 của Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh kết luận: Lô hàng thuốc lá nói trên đã bị nhiễm ẩm và mất mùi, không còn giá trị sử dụng ban đầu. Ngày 30/01/2019 cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành tiêu hủy toàn bộ số thuốc lá còn lại sau giám định là 220 cây = 2.200 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HUANGJINYE-XIANGYAN.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKSMC ngày 29/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo Trần Quang L, Hoàng Văn Ph và Hoàng Văn H đều về tội "*Vận chuyển hàng cấm*" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại bản luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền Công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Quang L từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt Hoàng Văn Ph và Hoàng Văn H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Trần Quang L, Hoàng Văn Ph, Hoàng Văn H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 đồ sắt mang số 181, công suất 20CV đã cũ, qua sử dụng.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt, không có nội dung tranh luận gì với bản luận tội. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M không có ý kiến tranh luận với bản luận tội liên quan đến phần tài sản là chiếc đồ thu giữ.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau; phù hợp lời khai người chứng kiến; kết luận chứng thư giám định về nguồn gốc và tình trạng đối với 2.500 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu HUANGJINYE-XIANGYAN thu giữ của các bị cáo; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Dù biết thuốc lá là mại dâm nhà nước cấm nhưng do hám lời, các bị cáo nhận vận chuyển thuê cho đối tượng A. C 2.500 bao thuốc lá để lấy tiền công thì bị phát hiện bắt giữ.

Xét hành vi các bị cáo thực hiện, số lượng thuốc lá thu giữ đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội vận chuyển hàng cấm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế chung của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý thị trường trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, làm lũng đoạn thị trường khiến Nhà nước không kiểm soát được hàng hóa. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội nói chung và trên địa bàn thành phố M nói riêng, do đó việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần phải có hình phạt nghiêm đối với các bị cáo. Khi quyết định hình phạt, xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo.

[4] Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, bị cáo L là người trực tiếp giao dịch nhận vận chuyển thuê cho A. C và thuê lại Ph, H vận chuyển giữ vai trò là người chỉ đạo, điều hành nên xử mức hình phạt cao nhất. Các bị cáo Ph, H sau khi được L thuê đã nhận lời ngay và tích cực cùng L tham gia vào việc vận chuyển số thuốc lá trên do đó giữ vai trò là người thực hành,

tính chất mức độ hành vi phạm tội ngang nhau, mức hình phạt sau bị cáo L.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra các bị cáo L, H, Ph đều có lời khai thể hiện vào ngày 10/01/2019 cả 03 bị cáo đã thực hiện vận chuyển cho A. C 04 kiện (thùng) thuốc lá điều từ cảng Tr, Trung Quốc về sông biên giới thuộc khu L, phường H để giao cho đối tượng tên T. Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo đều không thừa nhận hành vi đã vận chuyển thuốc lá cho A. C vào ngày 10/01/2019 như trên. Mặt khác tại cơ quan điều tra các bị cáo không xác định được số lượng 04 kiện (thùng) thuốc lá trên là bao nhiêu cây bằng bao nhiêu bao thuốc lá, do đó không đủ căn cứ định lượng để xác định các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Trần Quang L có nộp cho Tòa án 01 đơn đề nghị (có xác nhận của UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình) có nội dung xin xác nhận L có ông nội tên Trần Văn Nh là sỹ quan quân đội đi bộ đội năm 1961 về nghỉ hưu năm 1988 hiện đã mất năm 2007, có cô Trần Thị G là liệt sỹ hy sinh năm 1973 tại tỉnh Đắk Nông. Bà Nguyễn Thị M là mẹ của các bị cáo H, Ph có gửi cho Tòa án 01 giấy báo tử (bản sao); 01 giấy “Tổ quốc ghi công” (bản sao); đối với liệt sỹ Nguyễn Xuân Đ và trình bày liệt sỹ Nguyễn Xuân Đ là bác của các bị cáo H, Ph.

Xét thấy: Các bị cáo L, Ph, H đều có thân nhân là liệt sỹ, là người có công với cách mạng nên xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà xử cho các bị cáo mức án cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú thời hạn từ ngày 19/01/2019 đến ngày 10/3/2019 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 19/01/2019 đến ngày 17/3/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo đến nay đã hết thời hạn, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số thuốc lá thu giữ sau giám định đã tịch thu tiêu hủy theo quy định nên không đề cập. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M chuyển theo hồ sơ vụ án gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng lắp sim Viettel số thuê bao 0392374866 của Trần Quang L là phương tiện dùng vào việc liên lạc với H, Ph để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng nhạt lắp sim Viettel số thuê bao 03923748660364057666 của Hoàng Văn H là phương tiện dùng vào việc liên lạc với L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu đen lắp sim thuê bao Trung quốc số 17707800357 của Hoàng Văn H, H dùng cho L mượn để liên lạc với A. C cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ lắp sim Viettel số thuê bao 0355031401 của Hoàng Văn Ph là phương tiện dùng vào việc liên lạc với L để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc đồ sắt mang số 181 lắp máy 20CV là phương tiện các bị cáo dùng để vận chuyển số thuốc lá trên. Tuy nhiên các bị cáo Ph, H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đều có lời khai thể hiện: Đây là tài sản của bà M, bà M không biết việc bị cáo Ph dùng chiếc đồ trên để vận chuyển thuốc lá nên trả lại chiếc đồ trên cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị M.

[9] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đã được cơ quan Điều tra thu thập theo đúng thủ tục, trình tự mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát, nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng đối với các bị cáo L, Ph, H là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Liên quan trong vụ án, còn có đối tượng A. C và T là người giao và nhận thuốc lá cho L, Ph, H vận chuyển nhưng quá trình điều tra không xác định được lý lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: **Trần Quang L, Hoàng Văn Ph và Hoàng Văn H** Đều phạm tội: "*Vận chuyển hàng cấm*".

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51,

Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Quang L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 16/5/2019.

Xử phạt: Hoàng Văn Ph 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 16/5/2019.

Xử phạt: Hoàng Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 16/5/2019.

Giao các bị cáo Trần Quang L, Hoàng Văn Ph, Hoàng Văn H cho Ủy Ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng lắp sim Viettel số thuê bao 0392374866 của Trần Quang L.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng nhạt lắp sim Viettel số thuê bao 03923748660364057666 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu đen lắp sim thuê bao Trung quốc số 17707800357 của Hoàng Văn H.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ lắp sim Viettel số thuê bao 0355031401 thu của Hoàng Văn Ph.

-Trả lại bà Nguyễn Thị M 01 chiếc đồ sắt mang số 181.

(Hiện trạng vật chứng được miêu tả theo Lệnh xuất kho vật chứng số 39 ngày 03/4/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M và biên bản giao nhận vật chứng số 32/2019/THA ngày 03/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí. Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Quang L, Hoàng Văn Ph và Hoàng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo. Áp dụng: Khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/5/2019.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp;
- Thi hành án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Vũ Thị Thanh Phương